C.MÁC

VÀ

PH.ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP

26

P2

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI !

TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN XUẤT BẢN

THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH

TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Uỷ viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Uỷ viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng.
GS.PTS. Trần Ngọc Hiên	Phó giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, uỷ viên
PGS. Hà Học Hợi	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS.PTS. Phạm Xuân Nam	Phó Gi¸m ®èc Trung t©m Khoa häc X· héi vµ nh©n v¨n quèc gia, uỷ viên
GS. Trần Nhâm	Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện Chính trị - quân sự, uỷ viên

C.MÁC

VÀ

PH.ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP

TẬP 26

Phần II

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 1995

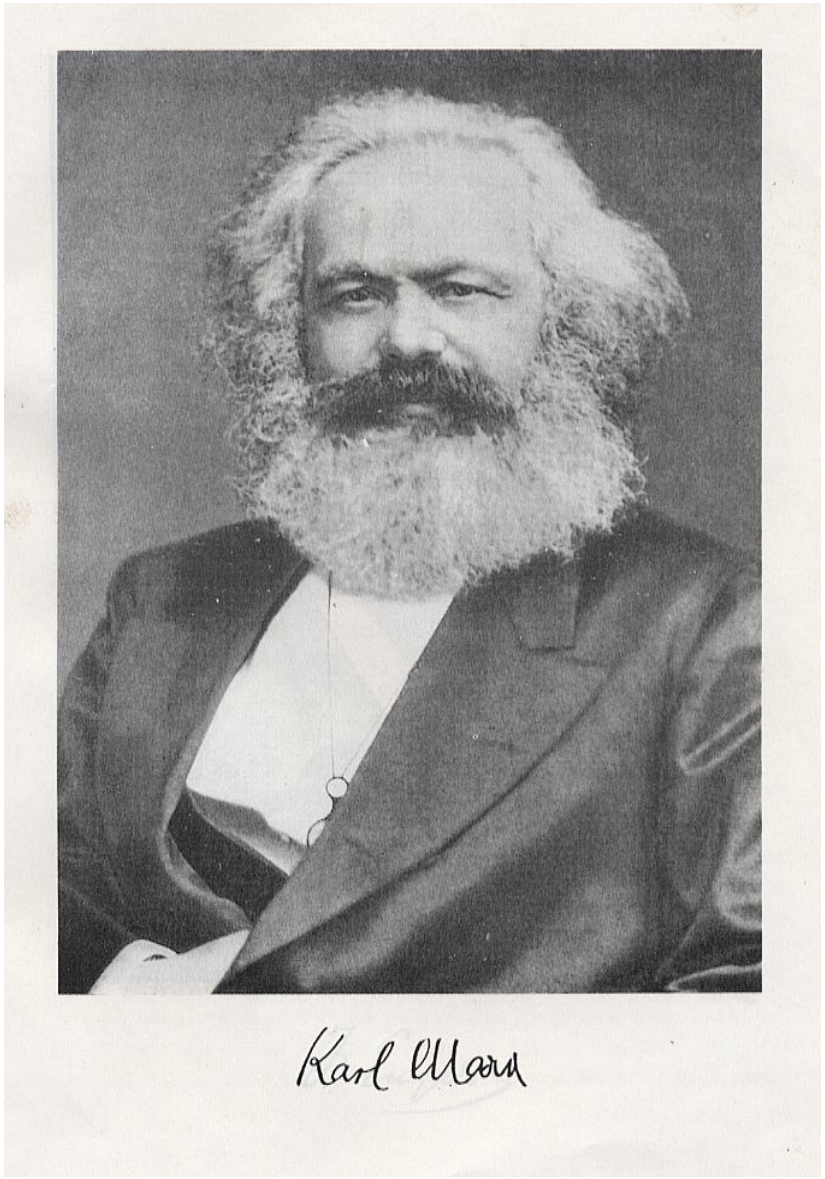
Karl Marx

F. Engels

C.MÁC

CÁC HỌC THUYẾT

VỀ

GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

(QUYỂN IV CỦA BỘ "TƯ BẢN")

Phần thứ hai (Chương VIII - XVIII)

[CHƯƠNG VIII]

ÔNG RỐT-BÉC-TÚT. HỌC THUYẾT MỚI VỀ ĐỊA TÔ (NGOÀI ĐỀ)[1]

[1) SỐ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THỪA RA TRONG NÔNG NGHIỆP. TRONG ĐIỀU KIỆN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN, NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN CHẬM HƠN SO VỚI CÔNG NGHIỆP]

[X - 445] *Herr Rodbertus.* Dritter Brief an von Kirchmann von Rodbertus: Widerlegung der Ricardoschen Lehre von der Grundrente and Begründung einer neuen Rententheorie. Berlin, 1851.

Trước hết, cần nêu ra nhận xét sau đây. Khi chúng ta nói rằng tiền công tất yếu bằng 10 giờ thì đơn giản hơn hết là giải thích điều đó như sau: nếu tính trung bình, lao động trong thời gian 10 giờ (nghĩa là số tiền ngang với 10 giờ) cho phép người công nhân làm công nhật trong nông nghiệp có thể mua được tất cả các tư liệu sinh hoạt cần thiết cho họ - sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, v.v., thì đó là tiền công trung bình của lao động không có chuyên môn. Do đó, đây là nói đến *giá trị* của sản phẩm hàng ngày của người công nhân mà anh ta phải được hưởng. Thoạt tiên, giá trị ấy tồn tại dưới hình thức *hàng hoá* mà anh ta sản xuất ra, tức là dưới hình thức *một số lượng* nhất định của *hàng hoá ấy* - số lượng này, sau khi trừ đi bộ phận do chính bản thân anh ta đã tiêu dùng trong số hàng hoá ấy (nếu anh ta tiêu dùng thứ hàng hoá đó), anh ta có thể dùng để đổi lấy những tư liệu sinh hoạt cần thiết cho anh ta.Như thế là ở đây không phải chỉ có cái *giá trị sử dụng* do chính anh ta sản xuất ra mới có ý nghĩa đối với số“thu nhập”

cần thiết của anh ta, mà cả công nghiệp, nông nghiệp, v.v., cũng đều có ý nghĩa đối với thu nhập đó. Nhưng điều đó đã được chứa đựng trong bản thân khái niệm *hàng hóa* rồi. Người công nhân sản xuất ra hàng hoá, chứ không phải chỉ sản xuất ra sản phẩm. Vì thế cho nên về điều này không cần phải bàn nhiều.

Trước hết, ông Rốt-béc-tút nghiên cứu xem trong một nước mà việc chiếm hữu ruộng đất và chiếm hữu tư bản *không tách rời* nhau thì sự việc diễn ra như thế nào, và ở đây ông ta đi tới một kết luận quan trọng là địa tô (ông ta hiểu địa tô là toàn bộ giá trị thặng dư) chỉ ngang với số lao động không được trả công, hoặc ngang với khối lượng sản phẩm thể hiện lao động không được trả công đó.

Trước hết cần phải nhận xét rằng, Rốt-béc-tút chỉ muốn nói đến việc tăng giá trị thặng dư tương đối, tức là chỉ nói đến việc tăng giá trị thặng dư do năng suất lao động đã tăng lên quyết định, chứ không phải nói đến việc tăng giá trị thặng dư do kéo dài bản thân ngày lao động. Dĩ nhiên, theo một ý nghĩa nhất định thì bất cứ một giá trị thặng dư tuyệt đối nào cũng là tương đối. Lao động phải có một năng suất đủ để cho người công nhân không phải bỏ toàn bộ thì giờ của mình vào việc duy trì sự sinh sống của bản thân. Nhưng sự khác nhau chính là bắt đầu từ đây. Vả lại, nếu như lúc đầu lao động có năng suất rất thấp, thì các nhu cầu cũng đơn giản đến cực độ (như ở người nô lệ), còn bản thân người chủ thì sống cũng chẳng hơn gì người đầy tớ bao nhiêu. Năng suất lao động tương đối cần thiết để cho kẻ ăn bám vơ vét lợi nhuận có thể xuất hiện được, thì còn rất thấp. Và nếu chúng ta thấy có một mức lợi nhuận cao ở những nơi nào mà năng suất lao động còn rất thấp, ở những nơi không áp dụng máy móc, phân công lao động, v.v., thì điều ấy chỉ giải thích được bằng những tình hình như sau: hoặc là-như điều đó đã diễn ra ở Ấn Độ-nhu cầu của người công nhân thấp một cách tuyệt đối và bản thân anh ta bị đàn áp đến mức anh ta còn tụt xuống quá dưới mức những nhu cầu tối tệ ấy, và mặt khác, năng suất lao động

TRANG ĐẦU CỦA PHẦN II TRONG BẢN THẢO CỦA C. MÁC «CÁC HỌC THUYẾT VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ» (TRANG 445 TRONG QUYỂN VỞ SỐ X CỦA BẢN THẢO NĂM 1861 — 1863)

thấp cũng đồng thời với quy mô nhỏ bé của tư bản cố định so với bộ phận tư bản chi phí vào tiền công, hay là đồng nhất với quy mô to lớn của bộ phận tư bản chi phí cho lao động so với toàn bộ tư bản thì cũng thế, - hoặc là thời gian lao động bị kéo dài qúa độ. Tình hình này xảy ra ở những nước (như ở Áo và một số nước khác chẳng hạn), trong đó phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tồn tại rồi nhưng lại phải cạnh tranh với những nước đã đạt tới một trình độ phát triển cao hơn nhiều. Ở đây tiền công có thể rất thấp, một phần vì nhu cầu của người công nhân ít phát triển hơn, một phần vì các sản phẩm nông nghiệp bị bán với một giá rẻ hơn hay có một giá trị bằng tiền thấp hơn, thì đối với nhà tư bản điều đó cũng có nghĩa thế thôi. Trong điều kiện năng suất lao động thấp thì lượng sản phẩm dùng để trả công cho công nhân và được sản xuất ra trong thời gian 10 giờ lao động tất yếu chẳng hạn, cũng rất ít. Nhưng nếu đáng lẽ làm việc 12 giờ anh ta lại làm việc 17 giờ, thì điều đó có thể bù đắp chỗ năng suất lao động thấp [cho nhà tư bản]. Nói chung, không nên quan niệm rằng do chỗ trong một nước nào đó, giá trị tương đối của lao động giảm xuống theo sự phát triển của năng suất lao động trong nước đó, nên trong các nước khác nhau tiền công tỷ lệ nghịch với năng suất lao động. Sự việc chính là ngược lại. Một nước càng có năng suất cao hơn so với nước khác trên thị trường thế giới, thì trong nước đó tiền công càng cao hơn so với các nước khác. Ở nước Anh, không những tiền công danh nghĩa, mà cả tiền công thực tế nữa, cũng cao hơn ở lục địa. Người công nhân ăn nhiều thịt hơn, thoả mãn một số nhu cầu lớn hơn. Tuy nhiên điều đó chỉ có hiệu lực đối với công nhân công nghiệp chứ không phải đối với công nhân nông nghiệp. Nhưng tiền công ở Anh không phải cao hơn theo mức độ mà năng suất của công nhân Anh vượt quá năng suất của công nhân các nước khác.

Địa tô nói chung (tức là hình thái hiện đại của quyền sở hữu ruộng đất) - bản thân sự tồn tại của địa tô, chứ chưa nói đến sự khác nhau của địa tô, do sự khác nhau về độ phì của các khoảnh

đất quyết định, - cũng đã có thể có được vì tiền công trung bình của công nhân nông nghiệp thấp hơn tiền công trung bình của công nhân công nghiệp. Vì ở đây, lúc đầu là theo truyền thống (vì người thuê ruộng đất thời cổ biến thành nhà tư bản trước khi các nhà tư bản biến thành những người thuê ruộng đất), nhà tư bản ngay từ đầu đã đem một phần thu nhập của mình nộp cho người chủ ruộng đất, cho nên y đã tự thưởng cho mình bằng cách hạ thấp tiền công xuống dưới mức của nó. Do chỗ công nhân bỏ làng đi nên tiền công đã phải tăng lên và thực tế nó đã tăng lên. Nhưng áp lực loại đó vừa mới bắt đầu tác động thì người ta liền sử dụng các máy móc, v.v…, và ở nông thôn lại có tình hình nhân khẩu thừa (tương đối) (ví dụ như ở nước Anh). Giá trị thặng dư có thể tăng lên mà không phải kéo dài thời gian lao động và cũng không phải tăng sức sản xuất của lao động, mà chính là bằng cách hạ thấp tiền công xuống dưới mức cổ truyền của nó. Và điều này đã thực sự xảy ra ở khắp những nơi mà sản xuất nông nghiệp được tiến hành theo phương thức tư bản chủ nghĩa. Ở nơi nào mà người ta không thể đạt được điều đó bằng máy móc thì người ta sẽ đạt được bằng cách biến ruộng đất cày cấy thành đồng cỏ chăn cừu. Vì thế, ở đây đã có sẵn cái *khả năng* [446] có địa tô, bởi vì tiền công của công nhân nông nghiệp *thực tế* không bằng tiền công trung bình. Khả năng tồn tại ấy của địa tô hoàn toàn không phụ thuộc vào *giá cả* sản phẩm, là cái được giả định ngang với giá trị của nó.

Cách thứ hai tăng địa tô - tức là thu địa tô nhờ một số lượng sản phẩm nhiều hơn, được bán cũng theo một giá ấy, - thì Ri-các-đô cũng đã biết rồi, nhưng ông ta không tính tới cách đó, bởi vì ông ta tính toán địa tô theo quác-tơ chứ không phải theo a-cơ-rơ. Ông ta sẽ không nói rằng địa tô đó tăng lên vì 20 quác-tơ với giá 2 si-linh một quác-tơ thì nhiều hơn là 10 quác-tơ với giá 2 si-linh một quác-tơ hay là 10 quác-tơ với giá 3 si-linh một quác-tơ (*theo cách đó* địa tô có thể tăng lên ngay cả trong trường hợp giá cả giảm xuống).